

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: 01/12/2023

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock		
1	FPT	500	5.96%
2	VPB	2,300	5.69%
3	HPG	1,600	5.51%
4	ACB	1,700	4.84%
5	TCB	1,100	4.21%
6	VNM	400	3.49%
7	VCB	300	3.29%
8	VIC	600	3.25%
9	MBB	1,400	3.23%
10	VHM	600	3.21%
11	STB	900	3.21%
12	MWG	600	2.99%
13	MSN	300	2.35%
14	HDB	1,000	2.33%
15	LPB	1,100	2.18%
16	SSB	700	2.05%
17	SSI	500	2.03%
18	SHB	1,400	1.96%
19	EIB	800	1.89%
20	VIB	700	1.70%
21	TPB	700	1.54%

22	CTG	400	1.36%
23	MSB	800	1.33%
24	FRT	100	1.33%
25	VJC	100	1.32%
26	DGC	100	1.23%
27	KDH	300	1.21%
28	KBC	300	1.21%
29	VRE	400	1.15%
30	VND	400	1.09%
31	VCI	200	1.08%
32	PNJ	100	1.04%
33	OCB	600	1.04%
34	GAS	100	0.99%
35	GMD	100	0.91%
36	VHC	100	0.86%
37	SAB	100	0.84%
38	GEX	300	0.84%
39	HSG	300	0.83%
40	DXG	300	0.78%
41	KDC	100	0.78%
42	REE	100	0.74%
43	VPI	100	0.71%
44	PDR	200	0.71%
45	DGW	100	0.65%
46	DIG	200	0.64%
47	VIX	300	0.64%
48	BVH	100	0.51%
49	BID	100	0.50%
50	NLG	100	0.48%
51	PLX	100	0.46%
52	HAG	300	0.43%
53	DPM	100	0.43%
54	DCM	100	0.41%
55	HCM	100	0.38%
56	PVD	100	0.36%
57	HDG	100	0.36%
58	PC1	100	0.35%
59	SBT	200	0.34%
60	PVT	100	0.34%
61	TCH	200	0.32%
62	DBC	100	0.32%
63	NKG	100	0.30%
64	VCG	100	0.29%

32703
CÔNG
TÂN
ỘT TH
N LÝ C
CHỨNG
I.I
4 TRU

65	POW	200	0.29%
66	GVR	100	0.26%
67	PAN	100	0.25%
68	BCG	200	0.22%
69	HHV	100	0.18%
II.	Tiền/Cash (VND)	19,659,504	

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	771,419,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	791,078,504
Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	19,659,504

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	21,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	38,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	91,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	70,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	17,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	38,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	80,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	57,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	29,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	17,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	20,950	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

3-C
Y
VIỆN
ĐẦU
HOÁN
- TP.

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*
Người được ủy quyền công bố thông tin/*Persons Authorized to Disclose Information*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / *(Signature, full name and seal - if any)*



Tổng giám đốc
Nguyễn Hồ Nga

